CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Trung Đô

Ngày 31/12/2025	8,200 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-4.7%	**-**	**-4.7%**

DT thuần
Q4/25
155
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 63.4| 69.3%
YoY: ▲ 29.0| 23.1%

LN thuần
Q4/25
48.8
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 72.0| 310%
YoY: ▲ 50.0| 4067%

LN sau thuế
Q4/25
48.2
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 71.4| 308%
YoY: ▲ 14.5| 43.1%

Tỷ suất lãi EBIT
2025
10.4%
YoY: +/-▼ 3.2%

ROE
2025
0.5%
YoY: +/-▼ 1.3%

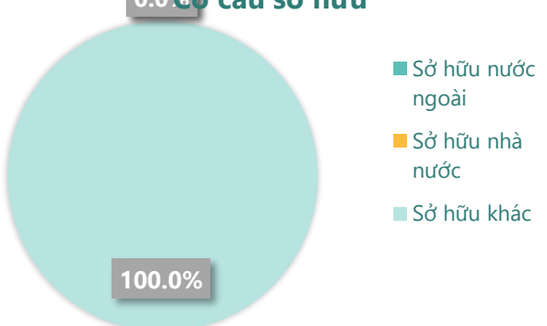
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	8,100 - 13,400
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	246
Số lượng CPLH (CP)	30,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	160
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	(0.27)
EPS	130
P/E	63.1

DT thuần
2025
465
tỷ VNĐ
YoY: ▼15.0| -3.0%

LN thuần
2025
7.25
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 21.7| 150%

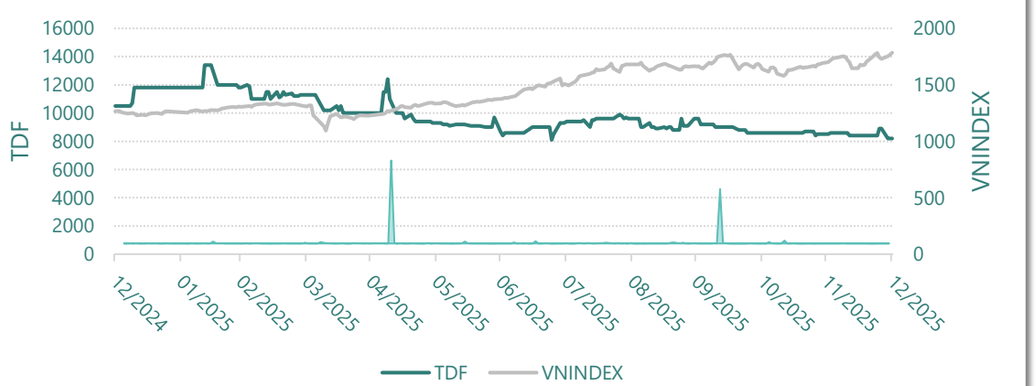
LN sau thuế
2025
4.10
tỷ VNĐ
YoY: ▼9.50| -69.9%

Cơ cấu sở hữu

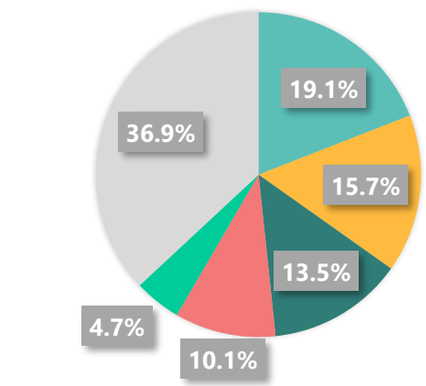


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

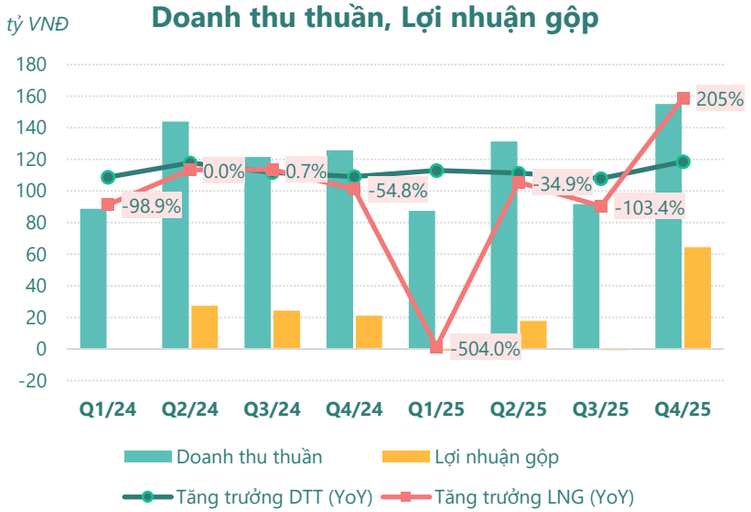


- Nguyễn Thị Mỹ Cảnh
- Nguyễn Hồng Sơn (Chủ tịch HĐQT)
- Nguyễn Hoàng Phương Nga (Thành viên HĐQT)
- Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội - CTCP
- CTCP Phượng hoàng PNIX
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

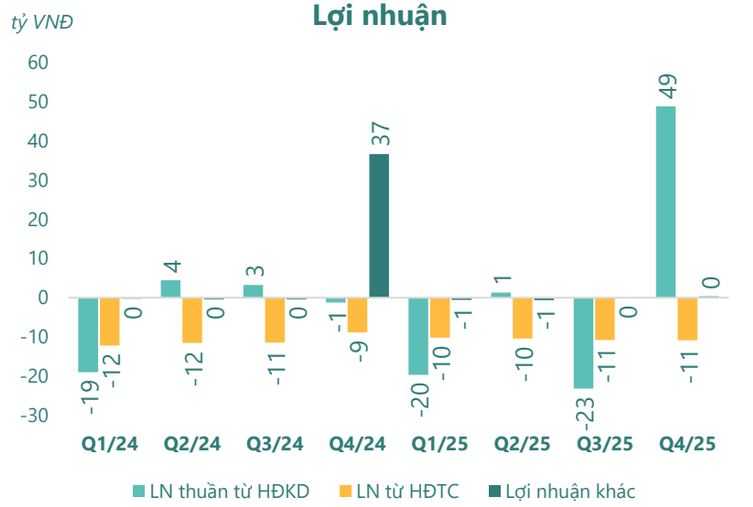
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



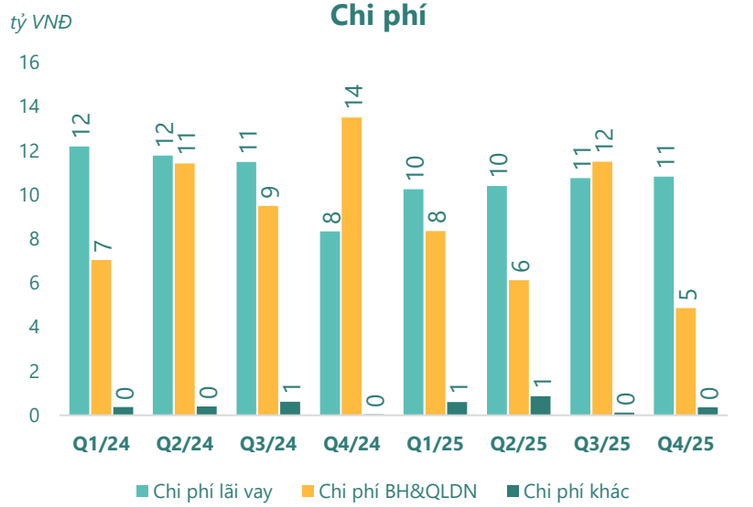
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



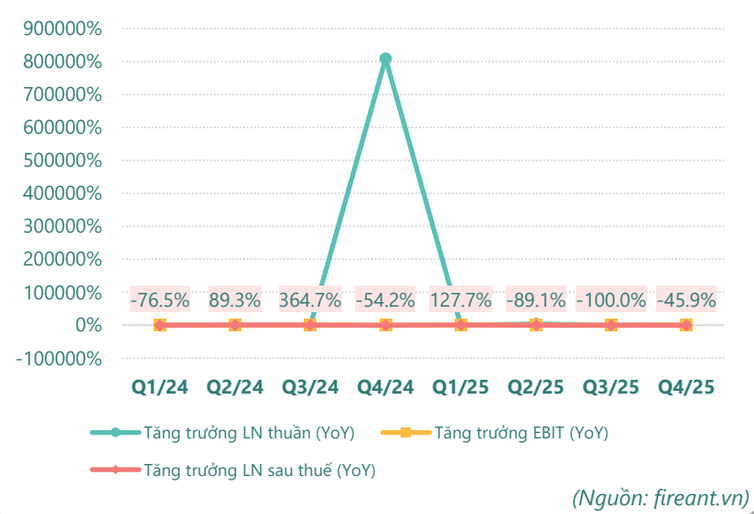
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



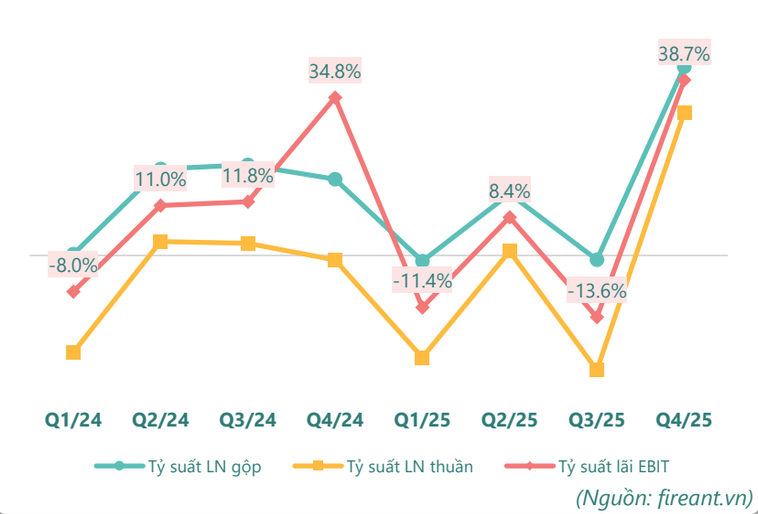
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



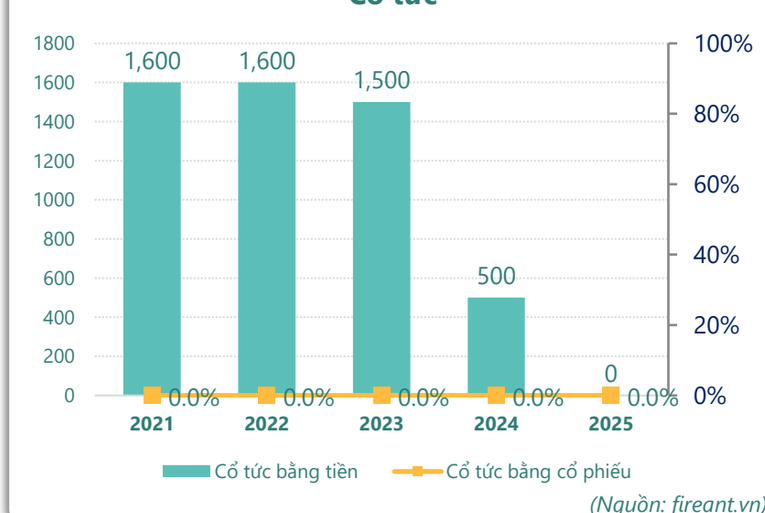
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

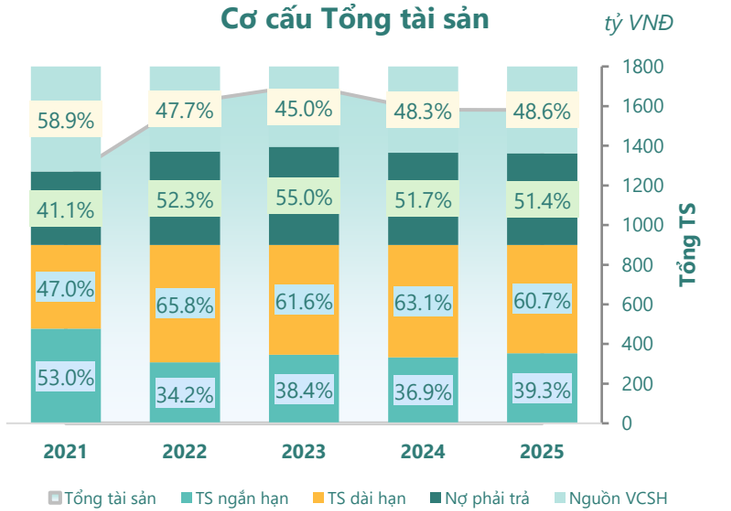
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

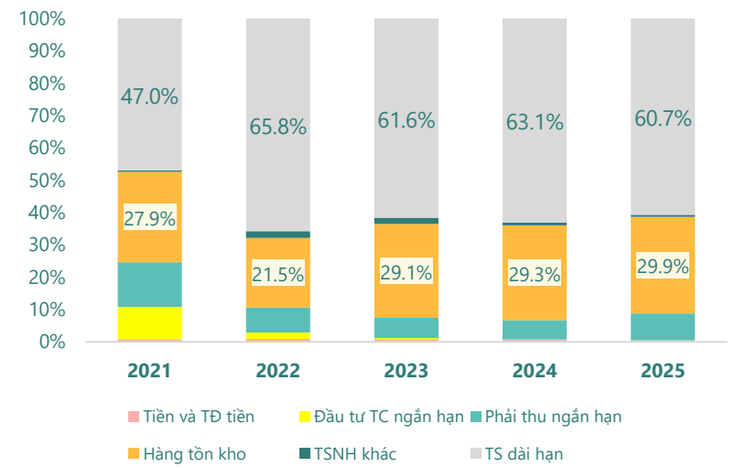
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



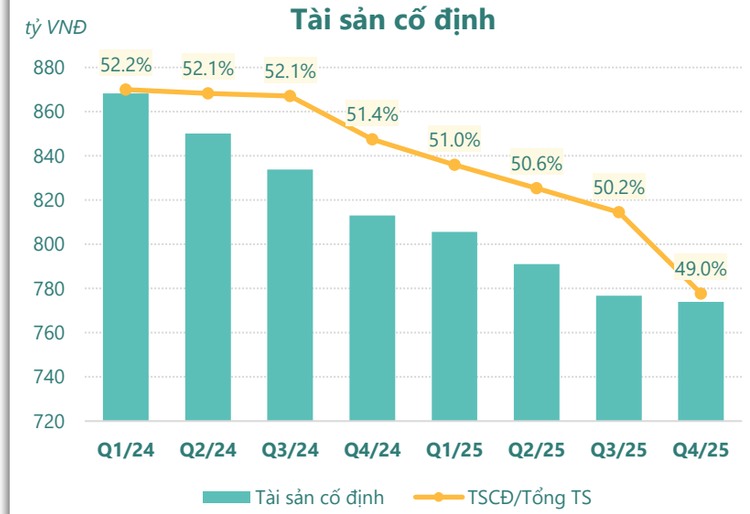
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



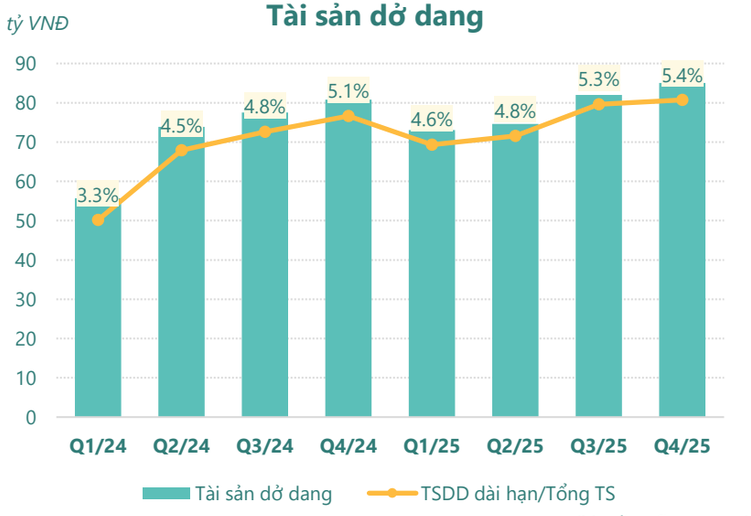
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



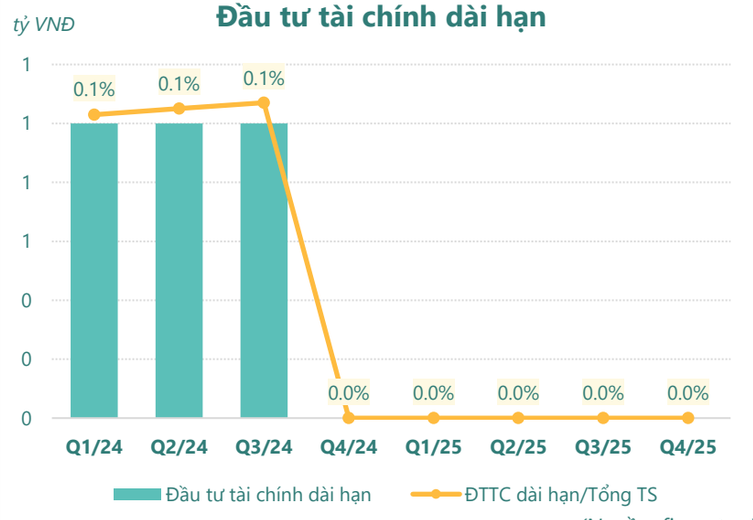
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



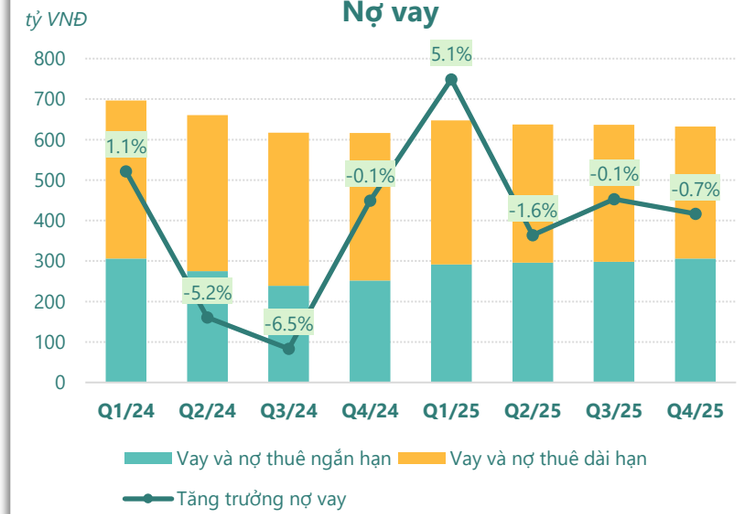
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

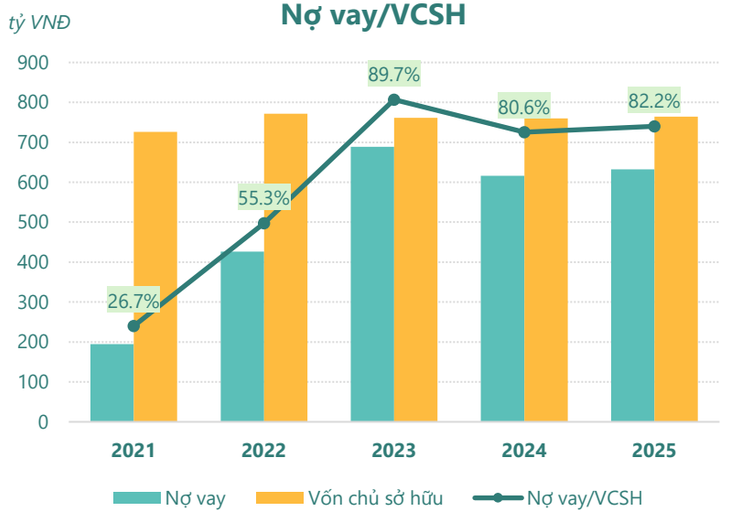
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

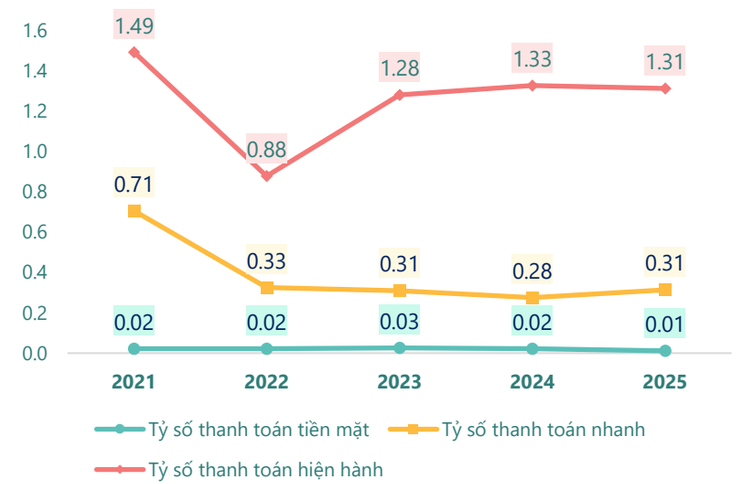
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



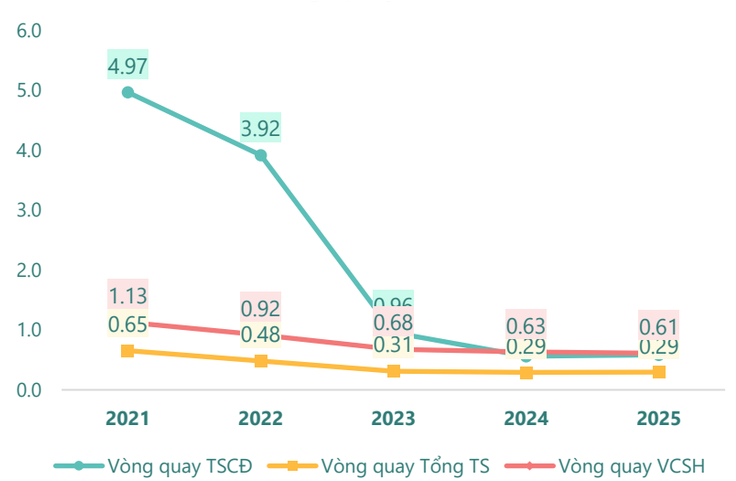
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



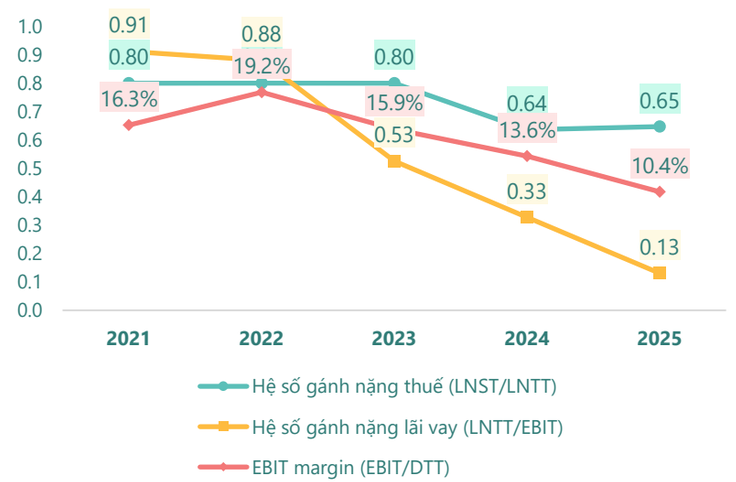
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



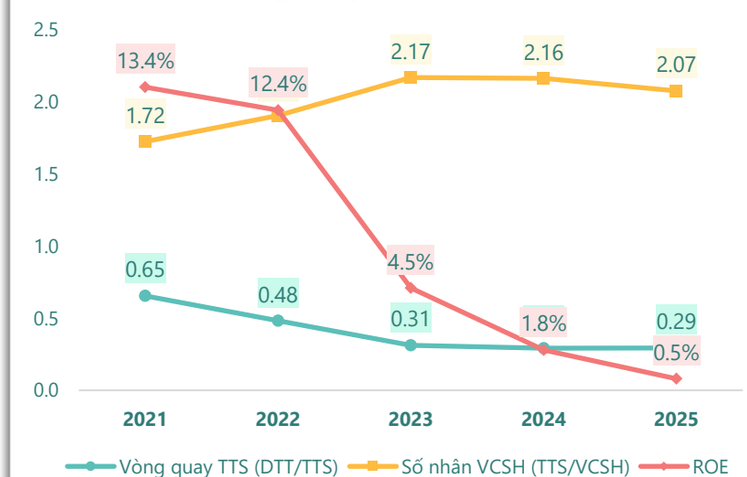
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



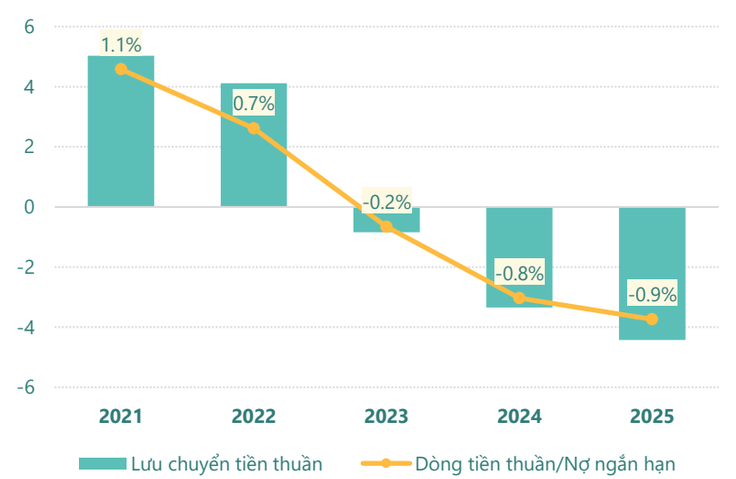
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**155**	**126**	**23.1%**	**465**	**480**	**-3.0%**
Giá vốn hàng bán	90.6	105	-13.7%	385	407	-5.5%
Lợi nhuận gộp	64.5	21.1	206%	80.4	72.5	11.0%
Doanh thu HĐTC	0.04	0.06	-27.5%	0.08	0.25	-66.7%
Chi phí TC	10.9	8.92	22.3%	42.4	44.4	-4.4%
Chi phí lãi vay	10.8	8.35	29.7%	42.2	43.8	-3.6%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	5.30	5.54	-4.3%	19.6	22.2	-11.7%
Chi phí QLDN	**-0.44**	**7.96**	**-106%**	**11.3**	**20.6**	**-45.3%**
LN thuần từ HĐKD	48.8	-1.23	4067%	7.25	-14.4	150%
Lợi nhuận khác	**0.36**	**36.6**	**-99.0%**	**-0.92**	**35.8**	**-103%**
LN trước thuế	49.2	35.4	38.9%	6.33	21.4	-70.4%
Lợi nhuận sau thuế	**48.2**	**33.7**	**43.1%**	**4.10**	**13.6**	**-69.9%**
LNST của CĐ cty mẹ	**48.0**	**33.7**	**42.5%**	**3.90**	**13.6**	**-71.3%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	28.5	15.3	1.00	-11.4	11.2	10.6
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-2.53	-3.35	-21.3	11.6	-9.00	-7.86
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-30.8	-5.27	20.8	-5.02	-4.15	-0.84
Tiền đầu kỳ	8.01	3.18	9.89	10.3	5.48	3.55
Lưu chuyển tiền thuần	**-4.83**	**6.71**	**0.45**	**-4.86**	**-1.93**	**1.91**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	3.18	9.89	10.3	5.48	3.55	5.47

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**1,580**	**1,582**	**-0.1%**
Tài sản ngắn hạn	621	584	6.3%
Tiền và tương đương tiền	5.47	9.89	-44.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1.00	1.00	0.0%
Phải thu ngắn hạn	133	95.3	39.3%
Hàng tồn kho	472	463	2.0%
Tài sản ngắn hạn khác	9.52	15.0	-36.6%
Tài sản dài hạn	**959**	**997**	**-3.8%**
Phải thu dài hạn	2.89	0.31	822%
Tài sản cố định	774	824	-6.1%
Bất động sản đầu tư	67.2	74.8	-10.1%
Tài sản dở dang	85.0	71.0	19.8%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**30.0**	**27.3**	**9.9%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	811	817	-0.7%
Nợ ngắn hạn	**473**	**440**	**7.5%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	306	252	21.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	62.0	80.5	-23.0%
Nợ dài hạn	338	377	-10.2%
Vay và nợ thuê dài hạn	326	364	-10.6%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**769**	**765**	**0.5%**
Vốn chủ sở hữu	**764**	**760**	**0.6%**
Vốn điều lệ	300	300	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**4.47**	**4.71**	**-5.0%**

(Nguồn: fireant.vn)